

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và
Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2256/2020/TLST-HNGĐ
ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa
thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Thiều Ngọc T; sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số 685/1, đường H, khu phố 4, phường B, thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai.

2. Chị Lê Thị Như Tr; sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp H, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 23 tháng 10 năm 2020, anh T và chị Tr cùng nộp đơn yêu cầu
“công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận
động hòa giải, anh T và chị Tr thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân
dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi
nhận thuận tình ly hôn vào ngày 03/11/2020. Anh T cư trú tại phường B thuộc
thành phố Biên Hòa, chị Tr cư trú tại huyện Th, tỉnh Đồng Tháp; anh, chị có
đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí
giải quyết việc dân sự; do đó, đơn yêu cầu của anh T và chị Tr được Tòa án
nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp
luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Anh Thiều Ngọc T và chị Lê Thị Như Tr chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 790 ngày 28/9/2017. Anh T và chị Tr xác định có một con chung là cháu Thiều Thị Trúc V, sinh ngày 11/12/2016. Anh, chị thỏa thuận giao cháu Vân cho anh T nuôi dưỡng, chị Tr không cấp dưỡng nuôi con. Anh T và chị Tr không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình chung sống, anh T và chị Tr thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Anh T, chị Tr xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy anh T, chị Tr thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của anh T và chị Tr.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Thiều Ngọc T và chị Lê Thị Như Tr.

- Về con chung: Anh Thiều Ngọc T và chị Lê Thị Như Tr xác định có một con chung là cháu Thiều Thị Trúc V, sinh ngày 11/12/2016. Anh, chị thỏa thuận giao cháu Vân cho anh T nuôi dưỡng, chị Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, chị Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị Tr xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Thiều Văn Tuấn, chị Lê Thị Như Tr mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007150 ngày 26/10/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, anh T và chị Tr đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và kháng bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ